

Số: /KH-UBND

Phú Yên, ngày tháng 11 năm 2021

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh

Thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 18/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích, yêu cầu

a) Tổ chức triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nhằm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 18/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

b) Xác định rõ nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương, trách nhiệm cụ thể của cá nhân và người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương để triển khai thực hiện thống nhất, đồng bộ; tạo sự chuyển biến tích cực, mạnh mẽ trong phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (viết tắt KHCN và ĐMST) phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

- Yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) đạt hơn 35% và tăng tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghệ cao chiếm 10% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp vào năm 2025.

- Phân đầu 90% các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đưa vào ứng dụng trong thực tiễn sản xuất và đời sống.

- Đến năm 2025, hình thành không gian ĐMST và chuyển đổi số.

- Hỗ trợ phát triển 10 dự án khởi nghiệp ĐMST, 05 doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST; 05 doanh nghiệp khoa học và công nghệ; 01 doanh nghiệp về ứng dụng trí tuệ nhân tạo; 05 doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ cho ít nhất 20 sản phẩm hàng hóa của tỉnh. Số văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp đạt 318 văn bằng.

- Thẩm định về công nghệ đối với 100% dự án đầu tư mới vào tỉnh.

- Tỷ lệ cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đạt 05-07 người/một vạn dân; hình thành 05 nhóm chuyên gia nghiên cứu khoa học và công nghệ trên các lĩnh vực: nông nghiệp; công nghệ sinh học và môi trường;

công nghệ thông tin; y dược; kỹ thuật cơ khí - chế tạo máy và điều khiển, tự động hóa.

- Xây dựng chương trình chuyển đổi số và khung kiến trúc chính quyền điện tử 2.0, phát triển hạ tầng mạng, bảo đảm an toàn, an ninh mạng, thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số.

- Phân đầu bố trí ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ đạt 2% tổng chi hàng năm.

II. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền và huy động sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phát triển, ứng dụng KHCN và ĐMST phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của khoa học và công nghệ trong phát triển kinh tế - xã hội; về cơ hội và thách thức trước các xu thế hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số.

- Đưa phát triển, ứng dụng KHCN và ĐMST là một nội dung trong kế hoạch phát triển của từng ngành, địa phương. Các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển, ứng dụng KHCN và ĐMST gắn với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của từng cấp, từng ngành.

- Phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về các chủ trương, chính sách phát triển KHCN và ĐMST, trong đó tập trung hướng đến đội ngũ trí thức, học sinh, sinh viên, khơi dậy niềm đam mê khởi nghiệp của thế hệ trẻ, tạo sự lan tỏa trong xã hội. Kịp thời phát hiện, thông tin về những mô hình, điển hình, cách làm mới mang lại hiệu quả thiết thực trong hoạt động KHCN và ĐMST.

2. Đổi mới đồng bộ cơ chế, chính sách phát triển, ứng dụng KHCN và ĐMST cả về tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động

- Phát triển mạnh mẽ Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST của tỉnh; Rà soát, bổ sung chính sách hỗ trợ phát triển Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST tỉnh.

- Nâng cao vai trò Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật tỉnh, các đoàn thể chính trị - xã hội thúc đẩy phong trào lao động sáng tạo, ứng dụng các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật tham gia vào hoạt động khởi nghiệp ĐMST, ứng dụng khoa học và công nghệ trong thực tiễn xã hội.

- Ban hành chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp cải tiến, đổi mới và phát triển công nghệ, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ; khai thác, phát triển tài sản trí tuệ, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến ISO 9001, ISO 14000, 6 Sigma, Kaizen... các công cụ cải tiến năng suất, chất

lượng, hệ thống HACCP, GMP-WHO, Global GAP, VietGAP... trong sản xuất thực phẩm.

- Thực hiện giao quyền sở hữu, quyền sử dụng và thương mại hóa các kết quả nghiên cứu có sử dụng ngân sách nhà nước; hỗ trợ xây dựng, phát triển thương hiệu, nâng cao chuỗi giá trị các sản phẩm địa phương.

- Xây dựng cơ chế phối hợp các sở, ban, ngành tỉnh với cơ quan Trung ương trong việc tham mưu, đề xuất, thực hiện, nhân rộng kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN và ĐMST phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước bảo đảm chặt chẽ, theo hướng tinh gọn, xác định rõ nguồn ngân sách, định mức chi, thủ tục thanh quyết toán; Đề xuất thí điểm nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối và tăng dần số lượng nhiệm vụ này.

- Chủ động tiếp cận, khai thác Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia thông qua các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; xem xét hình thành Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh khi có đủ điều kiện theo quy định.

- Đẩy mạnh hợp tác công - tư, thu hút, khuyến khích trong thực hiện các nhiệm vụ về khoa học và công nghệ do các doanh nghiệp chủ trì về số lượng, quy mô và sử dụng có hiệu quả các Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

- Hỗ trợ phát triển các sản phẩm mới, sản phẩm công nghệ cao trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 thông qua các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

- Thực hiện tốt công tác thẩm định công nghệ các dự án đầu tư; giám sát, khuyến nghị xử lý kịp thời các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh sử dụng công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.

3. Nâng cao tiềm lực KHCN và ĐMST của tỉnh trên cả 4 yếu tố cơ bản: nhân lực, tổ chức, cơ sở vật chất và vốn đầu tư

a) Về nhân lực:

- Xây dựng khung chính sách thu hút, ưu đãi nguồn nhân lực chất lượng cao (ưu tiên cho ngành y tế, nông nghiệp...); hỗ trợ doanh nghiệp thu hút nguồn nhân lực khoa học và công nghệ.

- Xây dựng quy định khuyến khích đội ngũ cán bộ giảng viên, sinh viên các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh tham gia đề xuất, nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ, các hoạt động phát triển Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST.

- Đẩy mạnh thu hút và trọng dụng nguồn nhân lực khoa học và công

nghệ chất lượng cao; có chế độ, chính sách ưu tiên tuyển dụng các nhà khoa học trẻ tài năng vào các tổ chức khoa học và công nghệ công lập, cơ quan nhà nước.

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới, trong đó đặc biệt quan tâm đến đội ngũ cấp huyện; quy hoạch, luân chuyển và tạo điều kiện cho cán bộ khoa học và công nghệ phát huy tối đa năng lực, sở trường công tác.

- Tổ chức hiệu quả các cuộc thi, hội thi, các giải thưởng sáng tạo khoa học và công nghệ, phát hiện và tôn vinh kịp thời các tổ chức, cá nhân có phát minh, sáng chế, công trình khoa học đem lại hiệu quả cao.

b) Về tổ chức:

- Xây dựng Đề án/ Chương trình/ Kế hoạch phát triển thị trường khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ nông nghiệp công nghệ cao; doanh nghiệp ĐMST, doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao.

- Xây dựng mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu các nhà khoa học, chuyên gia, nhóm chuyên gia trong, ngoài tỉnh tham gia giải quyết các vấn đề KHCN và ĐMST.

- Phát triển Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST của tỉnh lấy doanh nghiệp làm trung tâm; trường đại học, cao đẳng, tổ chức khoa học và công nghệ là chủ thể chủ yếu trong phát triển, ứng dụng KHCN và ĐMST.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ các cấp, các ngành.

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp hợp lý các tổ chức khoa học và công nghệ của các ngành, các trường đại học, cao đẳng theo hướng tự chủ, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Ngân sách tỉnh bảo đảm kinh phí hoạt động cho các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thông qua việc giao thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công, nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp và nhiệm vụ khác.

- Xây dựng chính sách hỗ trợ phù hợp tạo điều kiện phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST, dự án khởi nghiệp ĐMST, doanh nghiệp công nghệ thông tin.

c) Về cơ sở vật chất:

- Đầu tư xây dựng không gian ĐMST và chuyển đổi số trên cơ sở hạ tầng đã có của các trung tâm sự nghiệp khoa học và công nghệ đủ năng lực giới thiệu, chuyển giao công nghệ, chuyển đổi số tầm khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên.

- Nâng cao năng lực thử nghiệm, kiểm định đạt chuẩn quốc gia cho Trung tâm Khoa học và Công nghệ trở thành đơn vị chủ lực, cùng với các đơn vị sự

nghiệp khác đẩy mạnh phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, chuyển đổi số và ĐMST, kết nối cung - cầu công nghệ khu vực Nam Trung bộ và Tây nguyên.

- Phát triển kết cấu hạ tầng mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ để tăng cường năng lực của tỉnh Phú Yên tiếp cận Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên địa bàn tỉnh thời kỳ 2021-2030 trong Quy hoạch của tỉnh.

- Đầu tư cơ sở vật chất cho một số trung tâm nghiên cứu, các phòng thí nghiệm, thử nghiệm của các ngành và trường đại học, cao đẳng có năng lực trong nghiên cứu - triển khai.

- Tiếp tục đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên phù hợp yêu cầu thực tiễn theo hướng ưu tiên công tác nghiên cứu, chuyển giao khoa học và công nghệ trong sản xuất nông nghiệp; rà soát, bổ sung cơ chế chính sách thu hút đầu tư.

- Xây dựng hình thành sàn giao dịch công nghệ của tỉnh kết nối với các sàn giao dịch công nghệ quốc gia, sàn giao dịch một số địa phương như Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng... để hỗ trợ đổi mới công nghệ của doanh nghiệp và phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

d) Vốn đầu tư:

- Bố trí nguồn vốn ngân sách và tích cực huy động các nguồn lực xã hội đầu tư KHCN và ĐMST, tăng dần tỷ lệ chi ngân sách cho khoa học và công nghệ, phấn đấu đạt mức 2%.

- Lòng ghép nguồn vốn từ ngân sách nhà nước trong các chương trình, dự án, nhiệm vụ để phát triển KHCN và ĐMST. Khuyến khích việc huy động các nguồn lực xã hội cho phát triển KHCN và ĐMST thông qua đầu tư của doanh nghiệp, nhà nước thuê dịch vụ, hình thức hợp tác công - tư.

- Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp tham gia các chương trình, dự án KHCN và ĐMST của Trung ương, các tổ chức quốc tế triển khai trên địa bàn tỉnh.

4. Đẩy mạnh phát triển, ứng dụng KHCN và ĐMST, chuyển đổi số, nhất là thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

- Triển khai thực hiện 06 chương trình ứng dụng KHCN và ĐMST trọng điểm giai đoạn 2021-2025, các nhiệm vụ:

(1) **Chương trình 1:** Phát triển tiềm lực KHCN và nâng cao năng lực ĐMST:

- Củng cố, phát triển hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 theo hướng tinh gọn, hiệu quả, thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

- Xây dựng và phát triển thị trường KHCN và ĐMST, đẩy mạnh kết nối cung - cầu công nghệ, chuyển giao KHCN và ĐMST. Xây dựng sàn giao dịch

công nghệ tỉnh Phú Yên, trước mắt đưa sản giao dịch công nghệ ảo, thật vào hoạt động trong năm 2022.

- Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị hiện đại cho Trung tâm Khoa học và Công nghệ, Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hình thành không gian ĐMST và chuyển đổi số trên cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất của Trung tâm Khoa học và Công nghệ...

- Xây dựng chính sách, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp khoa học và công nghệ, khởi nghiệp ĐMST, công nghệ thông tin; hỗ trợ thành lập tổ chức khoa học và công nghệ, phòng thí nghiệm; hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại cho các phòng thí nghiệm, thử nghiệm của doanh nghiệp khoa học và công nghệ, khởi nghiệp ĐMST, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Xây dựng hệ thống thông tin, thông kê KHCCN và ĐMST; phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu các nhà khoa học, chuyên gia thuộc các lĩnh vực.

- Nghiên cứu các chính sách, chương trình, đề án nâng cao năng lực KHCCN và ĐMST, ưu tiên lĩnh vực chế biến - chế tạo, tạo đòn bẩy quan trọng từ vốn đầu tư, cơ hội tiếp cận thị trường công nghệ, phát triển tài sản trí tuệ và xây dựng thương hiệu.

(2) **Chương trình 2:** Ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp công nghệ cao, thông minh, xây dựng nông thôn mới:

- Nghiên cứu chọn tạo, khảo nghiệm và ứng dụng rộng rãi giống cây trồng mới có năng suất cao, chất lượng tốt và khả năng chống chịu sâu bệnh, thích ứng biến đổi khí hậu.

- Nghiên cứu ứng dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật về giống, hệ thống canh tác, quản lý dịch bệnh, tạo ra chuỗi sản xuất hợp lý, tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm và bảo vệ môi trường. Nghiên cứu, sử dụng phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học trong sản xuất, nhất là trong sản xuất cây dược liệu và cây rau màu; sản xuất, sử dụng các chế phẩm sinh học xử lý phụ phẩm nông nghiệp; xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất tập trung, quy mô lớn.

- Ứng dụng công nghệ di truyền để chọn lọc giống, tạo giống chất lượng và bảo tồn nguồn gen; sản xuất giống mới có năng suất, chất lượng cao. Nâng tỷ lệ cơ giới hóa, phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại tập trung, ứng dụng công nghệ cao theo chuỗi giá trị, quy trình VietGAP.

- Nghiên cứu làm chủ công nghệ tiên tiến sản xuất giống thủy sản; ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ cao nuôi trồng theo hướng thâm canh; đẩy mạnh hình thức nuôi lồng, bè trên biển, các mô hình nuôi kết hợp bảo vệ môi trường. Nghiên cứu ứng dụng công nghệ cấp đông bảo đảm chất lượng hải sản đánh bắt trên biển.

- Ứng dụng công nghệ sản xuất, nhân giống cây lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cấy mô. Nghiên cứu thử nghiệm, khảo nghiệm một số cây lâm nghiệp mới có giá trị kinh tế cao gắn với công nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Phát triển rừng sản xuất gỗ lớn có giá trị kinh tế cao gắn với chế biến. Đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa trong lâm nghiệp.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sau thu hoạch giảm thiểu tỷ lệ thất thoát, nâng cao giá trị sản phẩm, tập trung công nghệ làm khô lúa và hoa màu; công nghệ bảo quản lạnh, công nghệ an toàn thực phẩm. Hiện đại hóa hệ thống kiểm tra chất lượng nông sản phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế và khu vực.

- Nghiên cứu xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ mới của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong sản xuất nông nghiệp: (1) Ứng dụng các thiết bị cảm biến, thông minh điều khiển tự động quá trình sản xuất nông nghiệp; (2) Ứng dụng công nghệ đèn LED trong canh tác để tối ưu hóa quá trình sinh trưởng; (3) Canh tác trong nhà kính, nhà lưới, sử dụng công nghệ thủy canh, khí canh; (4) Ứng dụng các thiết bị năng lượng mặt trời nhằm sử dụng hiệu quả không gian, giảm chi phí trong sản xuất nông nghiệp; (5) Sử dụng các thiết bị bay không người lái khảo sát, thu thập, phục vụ quản lý sản xuất; (6) Ứng dụng quy trình quản lý phục vụ kết nối các hoạt động từ trang trại với bên ngoài (quản lý sản phẩm theo chuỗi giá trị; truy xuất nguồn gốc...).

(3) **Chương trình 3:** Đổi mới công nghệ, ứng dụng thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phục vụ nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa:

- Hỗ trợ chuyển đổi số cho các nhà máy sản xuất quy mô lớn theo hướng nhà máy thông minh (Smart factory). Hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất nông lâm, thủy sản được tích hợp thông tin vào mã QR Code phục vụ truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước, các đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội.

- Phát triển cơ sở hạ tầng mạng thông tin di động trên cơ sở ứng dụng các công nghệ hiện đại, tiên tiến như 5G, LTE...

- Hỗ trợ nghiên cứu, chuyển giao, đổi mới công nghệ về bảo quản, chế biến sản phẩm nông thủy sản có giá trị đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu theo hướng ứng dụng công nghệ cao và tự động hóa.

(4) **Chương trình 4:** Ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ trong y dược phục vụ nâng cao chất lượng chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng:

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật trong chẩn đoán và điều trị, tập trung vào các dịch vụ y tế có hàm lượng trí tuệ cao, có tiềm năng phát triển trong lĩnh vực xét nghiệm, chẩn đoán, phẫu thuật điều trị.

- Triển khai mô hình y tế từ xa; giảm tải, tạo cân bằng người bệnh giữa tuyến trên - tuyến dưới; tăng cường năng lực chuyên môn tuyến dưới và kết nối mạng lưới các bệnh viện.

- Xây dựng hệ thống hồ sơ quản lý sức khỏe điện tử, bảo đảm mỗi người dân được lưu trữ trong hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử từ cơ sở đến quốc gia; triển khai thực hiện dự án thuê hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh y tế (PACS) tại các bệnh viện công lập.

- Ứng dụng công nghệ và kỹ thuật tiên tiến, công nghệ sinh học trong lĩnh vực y tế dự phòng các bệnh truyền nhiễm, nguy hiểm, các bệnh mới phát sinh.

- Tiếp tục phát triển các kỹ thuật chẩn đoán và điều trị chuyên sâu mang tính mũi nhọn; các kỹ thuật điều trị tim mạch chất lượng cao; triển khai phẫu thuật ít xâm lấn, vi phẫu thuật và phát triển các kỹ thuật hiện đại.

- Nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật sinh học phân tử, bảo đảm chẩn đoán và điều trị kỹ thuật chuyên sâu đạt tiêu chuẩn ISO.

- Nghiên cứu sản xuất một số loại thuốc, các loại dược liệu y học cổ truyền, nguyên liệu làm thuốc kháng sinh, vitamin và thực phẩm chức năng.

(5) **Chương trình 5:** Khoa học xã hội và nhân văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội:

- Xây dựng chính quyền các cấp kiến tạo, phục vụ; rà soát hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo thuận lợi cho chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số của tỉnh.

- Nghiên cứu bảo tồn, phát huy các giá trị truyền thống - lịch sử - văn hóa của Phú Yên; đề xuất giải pháp quản lý, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội và phát triển kinh tế.

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách, mô hình, giải pháp phát triển kinh tế nhanh và bền vững; thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; các vấn đề về kinh tế vùng và các vùng kinh tế; các loại hình tổ chức kinh tế.

- Nghiên cứu, điều tra khảo sát nhu cầu của doanh nghiệp về chính sách, môi trường đầu tư..., các vấn đề về tiềm năng thế mạnh và môi trường đầu tư của Phú Yên.

- Nghiên cứu các vấn đề, cơ chế, chính sách đổi mới quản lý và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

- Nghiên cứu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực phù hợp yêu cầu phát triển các ngành, các lĩnh vực, góp phần nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, đáp ứng yêu cầu hội nhập sâu rộng kinh tế quốc tế.

- Nghiên cứu phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại. Đa dạng hóa sản phẩm du lịch có tiềm năng, lợi thế, chất lượng cao, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc. Số hóa ngành du lịch theo hướng nền kinh tế số và đô thị thông minh.

(6) **Chương trình 6:** Ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu:

- Ứng dụng công nghệ, kỹ thuật tiên bộ mới trong xử lý ô nhiễm môi trường tại các khu, cụm, điểm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp.

- Nghiên cứu, nhân rộng mô hình xử lý nước thải y tế, công nghiệp, chế biến nông, lâm, hải sản, sinh hoạt đô thị; xử lý chất thải rắn, quản lý chất thải nguy hại; tái sử dụng, tái chế và sản xuất, thu hồi năng lượng từ chất thải.

- Dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh giảm nhẹ thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu. Ứng dụng công nghệ sạch, công nghệ thân thiện với môi trường; Ứng dụng các giải pháp xanh kết hợp bảo vệ bờ biển với phát triển du lịch ven biển bền vững.

- Nghiên cứu bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, đặc biệt là vùng gần bờ và phát triển các nguồn gen quý hiếm.

- Triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn các hồ chứa nước, kè biển; phục hồi rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển, đầu nguồn. Bảo vệ nguồn nước, tăng cường quản lý nguồn nước theo lưu vực sông.

- Quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững nguồn tài nguyên theo hướng hạn chế xuất khẩu khoáng sản thô, thúc đẩy chế biến sâu.

- Xây dựng chương trình , kế hoạch chuyển đổi số , thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính , hệ thống cơ sở dữ liệu nền tảng các lĩnh vực, ngành, trong đó ưu tiên lĩnh vực nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục...; kế thừa kết quả đạt được trong triển khai Chính quyền điện tử, xây dựng khung kiến trúc Chính quyền điện tử 2.0, phát triển hạ tầng mạng, bảo đảm an toàn, an ninh mạng, thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số.

- Phối hợp thực hiện có hiệu quả các nội dung liên quan trong Kế hoạch số 133-KH/TU ngày 18/3/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và thực hiện Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, cụ thể hóa trong các kế hoạch của UBND tỉnh.

- Ưu tiên thực hiện dự án đầu tư, nhiệm vụ khoa học và công nghệ tạo ra sản phẩm mới, sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn, phát triển chuỗi liên kết sản xuất sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP.

- Ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016- 2025 và các nội dung phối hợp (xây dựng chính sách hỗ trợ, ưu đãi...) theo quy định.

- Xây dựng và triển khai Đề án kết nối cung - cầu công nghệ giai đoạn 2021-2025; Đề án/ Kế hoạch phát triển ứng dụng công nghệ sinh học tỉnh Phú Yên giai đoạn 2021-2025; Đề án/ Kế hoạch phát triển thị trường khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ; doanh nghiệp ĐMST; Đề án/ Chương trình/ Kế hoạch đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Phú Yên nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

(Phân công thực hiện các nhiệm vụ tại Phụ lục II kèm theo Kế hoạch này)

5. Xây dựng và phát triển nhãn hiệu sản phẩm hàng hóa; áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, hệ thống truy xuất nguồn gốc

- Xây dựng và phát triển nhãn hiệu đối với sản phẩm, hàng hóa, đặc biệt là các sản phẩm chủ lực của tỉnh, sản phẩm OCOP...

- Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các hệ thống, công cụ quản lý chất lượng tiên tiến. Hỗ trợ các hội, đoàn thể, địa phương, doanh nghiệp xây dựng và khai thác tốt chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể đối với các sản phẩm, đặc sản địa phương và phát triển thị trường tiêu thụ.

- Xây dựng, đưa vào vào hoạt động Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa có tích hợp phần mềm kết nối cung - cầu các sản phẩm của tỉnh, kết nối với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc quốc gia. Thực hiện hiệu quả việc quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm trên địa bàn tỉnh vào năm 2024.

6. Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế về KHCN và ĐMST

- Tăng cường phối hợp, liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu đầu ngành trong nước, quốc tế và một số địa phương như: Thành phố Hồ Chí Minh, Lâm Đồng, Quảng Ninh, Bình Định, Khánh Hòa... để chuyển giao công nghệ, thực hiện một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ trực tiếp giải quyết các vấn đề cấp bách, phù hợp với điều kiện của tỉnh trên các lĩnh vực như: Năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, bảo vệ môi trường, cơ khí, chế tạo máy, công nghiệp hỗ trợ, xây dựng luận cứ khoa học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; trao đổi, đào tạo nguồn nhân lực khoa học và công nghệ.

- Hỗ trợ các dự án, doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST sử dụng dịch vụ của Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST quốc gia. Thu hút cố vấn, chuyên gia, nhà đầu tư khởi nghiệp ĐMST có uy tín ở trong nước, nước ngoài hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ trong và ngoài nước trong khai thác, tiếp nhận công nghệ từ nơi khác để rút ngắn

khoảng cách, nâng cao trình độ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện từ ngân sách nhà nước Trung ương, địa phương, đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn hợp pháp khác, trong đó:

- Ưu tiên nguồn ngân sách địa phương đối ứng cho các nhiệm vụ cấp quốc gia theo quy định.

- Ưu tiên nguồn ngân sách địa phương hỗ trợ cho các nhiệm vụ do doanh nghiệp, kinh tế tập thể (HTX, trung tâm...) chủ trì thực hiện.

Hàng năm, căn cứ vào các nội dung được phê duyệt, hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp dự toán kinh phí của các đơn vị gửi Sở Tài chính thẩm định, bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước theo các quy định pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Trên cơ sở các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chỉ đạo xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch cụ thể của từng ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện, thời gian hoàn thành; cụ thể hóa thành kế hoạch công tác hàng năm, phân công tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm thực hiện từng nhiệm vụ cụ thể đảm bảo hiệu quả.

(Phân công thực hiện các nhiệm vụ tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo Kế hoạch này)

b) Chịu trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh qua Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu, các chương trình, nhiệm vụ trọng tâm theo Kế hoạch.

Việc xây dựng Kế hoạch thực hiện hoàn thành cuối quý IV/2021 gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh. Từ năm 2022 và các năm tiếp theo trong tháng 10 của năm trước gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả, đúng quy định; theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch, định kỳ hàng năm tham mưu báo cáo sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch theo quy định; kịp thời tham mưu đề xuất, báo cáo UBND tỉnh giải quyết những khó khăn, vướng mắc (nếu có).

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí vốn đầu

tư công cho các dự án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định.

4. Sở Tài chính

Cân đối nguồn ngân sách nhà nước chi thường xuyên hàng năm, giai đoạn 2021-2025 và trên cơ sở đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ ; tăng dần tỷ lệ chi ngân sách cho KH&CN và ĐMST, phấn đấu đạt mức 2%, bao gồm ngân sách Trung ương từ các chương trình cấp nhà nước.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, địa phương, đơn vị kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để xem xét giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ KH&CN (b/c);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- UBMTTQVN tỉnh; các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Chánh, các PVP UBND Tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (Vu).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Hữu Thế

Phụ lục I
PHÂN CÔNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 11-NQ/TU NGÀY 18/8/2021 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh)

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Cơ quan phối hợp | Sản phẩm | Thời gian thực hiện |
|----------|---|---------------------------------|---|--|------------------------|
| 1 | Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền và huy động sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, nâng cao nhận thức | | | | |
| 1.1 | - Tổ chức quán triệt Nghị quyết, Kế hoạch thực hiện Nghị quyết. - Xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai Kế hoạch của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết. | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | | | Hoàn thành quý IV/2021 |
| 1.2 | Tổ chức tuyên truyền, phổ biến về các chủ trương, chính sách phát triển KHCN và ĐMST, những mô hình, điển hình, cách làm mới mang lại hiệu quả thiết thực trong hoạt động KHCN và ĐMST. | Sở KH&CN | Sở TT&TT, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, cơ quan truyền thông, báo chí | Hội nghị, hội thảo tuyên truyền, bài viết, nói, clip, video, ghi âm, chương trình truyền thông | Hằng năm |
| 2 | Đổi mới đồng bộ cơ chế, chính sách phát triển, ứng dụng KHCN và ĐMST cả về tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động | | | | |
| 2.1 | Rà soát, bổ sung chính sách hỗ trợ phát triển Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST tỉnh. | Sở KH&CN | Các sở, ban, ngành liên quan | Quyết định của UBND | 2022-2023 |
| 2.2 | Rà soát, bổ sung, xây dựng quy định quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước; Đề xuất thí điểm một số chính sách mới về KHCN và ĐMST, cơ chế phối hợp các sở, ban, ngành | Sở KH&CN | Các sở, ban, ngành liên quan | Quyết định của UBND | 2022-2023 |

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Cơ quan phối hợp | Sản phẩm | Thời gian thực hiện |
|----------|---|------------------------|--|-----------------------------------|---------------------|
| | trong đề xuất, thực hiện, nhân rộng, thương mại hóa kết quả nhiệm vụ KH&CN. | | | | |
| 2.3 | Báo cáo đánh giá hình thành Quỹ phát triển KH&CN Phú Yên và các phương án thành lập khi đủ điều kiện. | Sở KH&CN | Sở Nội vụ, Sở Tài chính | Báo cáo | Hoàn thành 2023 |
| 2.4 | Xây dựng chính sách hỗ trợ đổi mới, cải tiến công nghệ, phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Phú Yên (doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, đổi mới công nghệ...). | Sở KH&CN | Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính | Nghị quyết HĐND tỉnh | 2021-2022 |
| 2.5 | Thống kê, đánh giá tình hình thực hiện việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ mới có kèm theo chuyển giao công nghệ và máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng. | Chi cục Hải quan | Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở KH&CN | Báo cáo, đề xuất, kiến nghị | 2021-2025 |
| 2.6 | Thực hiện các nhiệm vụ KH&CN hỗ trợ phát triển các sản phẩm mới, sản phẩm công nghệ cao trên địa bàn tỉnh đến năm 2025. | Sở KH&CN | Các sở, ban, ngành liên quan | Quyết định của UBND | 2021-2025 |
| 2.7 | Xây dựng kế hoạch phối hợp khảo sát, đánh giá trình độ công nghệ sản xuất, thẩm định công nghệ dự án đầu tư; thực hiện giám sát, kiểm tra công nghệ dự án triển khai. | Sở KH&CN | Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính | Nghị quyết HĐND | 2022-2023 |
| 3 | Nâng cao tiềm lực KH&CN và ĐMST của tỉnh trên cả 4 yếu tố cơ bản: nhân lực, tổ chức, cơ sở vật chất, vốn đầu tư | | | | |
| 3.1 | Nghiên cứu và xây dựng khung chính sách thu hút, ưu đãi nguồn nhân lực chất lượng cao (ưu tiên cho ngành y tế, nông nghiệp...); hỗ trợ doanh nghiệp thu hút nguồn nhân lực KH&CN. | Sở Nội vụ | Sở KH&CN, các cơ quan có liên quan | Nghị quyết/ Quyết định | 2022-2025 |
| 3.2 | Xây dựng quy định khuyến khích đội ngũ cán bộ giảng viên, sinh viên các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh tham gia đề xuất, nghiên cứu ứng dụng KH&CN, các hoạt động phát triển Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST. | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở KH&CN, các cơ quan liên quan | Quy định của UBND | 2022-2024 |

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Cơ quan phối hợp | Sản phẩm | Thời gian thực hiện |
|------|---|----------------------------------|---|------------------------------|---------------------|
| 3.3 | Quy định về xây dựng CSDL chuyên gia, nhóm chuyên thuộc các lĩnh vực để phục vụ hoạt động KH&CN, cung cấp cho các doanh nghiệp, các tổ chức KH&CN có nhu cầu. | Sở KH&CN | Sở Nội vụ; Các trường đại học; tổ chức KH&CN | Quyết định của Chủ tịch UBND | 2022 |
| 3.4 | Xây dựng không gian ĐMST và chuyển đổi số trên cơ sở hạ tầng đã có của các trung tâm sự nghiệp KH&CN đạt tầm khu vực Nam Trung bộ-Tây Nguyên; nâng cao năng lực thử nghiệm, kiểm định đạt chuẩn quốc gia Trung tâm Khoa học và Công nghệ. | Sở KH&CN, Sở TT&TT | Sở KH&ĐT, Doanh nghiệp | Dự án đầu tư | 2022-2023 |
| 3.5 | Xây dựng phương án thành lập Khu công nghệ thông tin tập trung của tỉnh. | Sở TT&TT | Sở KH&ĐT | Dự án đầu tư | 2023-2025 |
| 3.6 | Rà soát, bổ sung cơ chế chính sách thu hút đầu tư Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. | BQL Khu Nông nghiệp ứng dụng CNC | Sở KH&ĐT; Sở KH&CN | Dự án đầu tư | 2021-2025 |
| | Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. | | | | |
| 3.7 | Chuyển đổi các tổ chức KH&CN công lập sang hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định mới. | Sở KH&CN | Các tổ chức KH&CN công lập; Sở Nội vụ; Sở Tài chính | Quyết định của Chủ tịch UBND | 2022 |
| 3.8 | Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, các tổ chức KH&CN công lập, các phòng thí nghiệm, thử nghiệm thuộc các ngành, trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2021-2025. | Các sở ngành, cơ quan, đơn vị | Sở KH&ĐT | Dự án đầu tư | 2021 |
| 3.9 | Xây dựng sàn giao dịch công nghệ tỉnh Phú Yên. | Sở KH&CN | Sở KH&ĐT; Sở TT&TT | Hệ thống thông tin | 2022-2023 |
| 3.10 | Xây dựng Đề án/ Kế hoạch phát triển thị trường KH&CN, doanh nghiệp KH&CN nông nghiệp công nghệ cao; doanh nghiệp ĐMST, doanh nghiệp Nông nghiệp CNC; Rà soát, bổ sung Kế hoạch phát triển Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST tỉnh. | Sở KH&CN | Sở KH&ĐT, Sở NN&PTNT, Hội Doanh nghiệp tỉnh | Đề án/ Kế hoạch | 2021-2022 |

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Cơ quan phối hợp | Sản phẩm | Thời gian thực hiện |
|----------|---|--|----------------------------------|---|------------------------|
| 3.11 | Tổng hợp dữ liệu các chỉ tiêu thống kê KH&CN và ĐMST của tỉnh. | Sở KH&CN | Sở KH&ĐT; Cục Thống kê | Báo cáo | 2021-2025 |
| 4 | Đẩy mạnh phát triển, ứng dụng KH&CN và ĐMST, chuyển đổi số, nhất là thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội | | | | |
| 4.1 | Triển khai kế hoạch chương trình KH&CN trọng điểm giai đoạn 2021-2025 (06 chương trình). | Sở ban, ngành, UBND cấp huyện | Sở KH&CN | | Hoàn thành quý IV/2021 |
| 4.2 | Kế hoạch ứng dụng KH&CN phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp và phục vụ nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025. | Sở NN&PTNT | Sở KH&CN | Quyết định của Chủ tịch UBND | 2022 |
| 4.3 | Ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ KH&CN phục vụ Chương trình ứng dụng tiến bộ KH&CN phục vụ phát triển KT-XH nông thôn miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025 và các nội dung phối hợp (xây dựng chính sách hỗ trợ, ưu đãi...) theo quy định. | Sở KH&CN | Ban Dân tộc, Sở NN&PTNT | Quyết định của Chủ tịch UBND; các quy định | 2022 |
| 4.4 | Đề án kết nối cung - cầu công nghệ giai đoạn 2021 - 2025. | Sở KH&CN | Sở KH&ĐT, Sở Công Thương | Quyết định của Chủ tịch UBND | 2021 |
| 4.5 | Đề án/ kế hoạch phát triển ứng dụng công nghệ sinh học tỉnh Phú Yên giai đoạn 2021-2025. | Sở KH&CN | Sở NN&PTNT | Quyết định của Chủ tịch UBND | 2021 |
| 4.6 | Xây dựng, đề xuất các nhiệm vụ thuộc các Chương trình KH&CN trọng điểm của ngành, địa phương giai đoạn 2021-2025. | Các ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân | Sở KH&CN | Đề xuất đặt hàng | 2021-2021 |
| 4.7 | Đánh giá thực hiện đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số (tỷ lệ ĐMST, hiệu quả, khuyến nghị lộ trình đổi mới...) trong doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. | Sở KH&CN | Sở Công Thương, Sở TT&TT; Hội | Báo cáo | 2022-2025 |

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Cơ quan phối hợp | Sản phẩm | Thời gian thực hiện |
|----------|---|----------------|---|-------------------------------|---------------------|
| | | | Doanh nghiệp | | |
| 4.8 | Xây dựng chương trình /kế hoạch chuyển đổi số , thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính , hệ thống cơ sở dữ liệu nền tảng các lĩnh vực, các ngành, trong đó ưu tiên lĩnh vực nông nghiệp, du lịch, y tế, xây dựng khung kiến trúc Chính quyền điện tử 2.0, phát triển hạ tầng mạng, bảo đảm an toàn, an ninh mạng, thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số. | Sở TT&TT | Sở KH&CN, các cơ quan liên quan | Chương trình/ kế hoạch | 2022-2023 |
| 4.9 | Xây dựng Đề án/ Kế hoạch phát triển thị trường KH&CN, doanh nghiệp KH&CN; doanh nghiệp ĐMST, doanh nghiệp Nông nghiệp CNC; Rà soát, bổ sung kế hoạch phát triển Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST tỉnh. | Sở KH&CN | Sở KH&ĐT, Sở NN&PTNT, Hội Doanh nghiệp tỉnh | Đề án/ Kế hoạch | 2021-2022 |
| 4.10 | Xây dựng Đề án/ Chương trình/ Kế hoạch đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Phú Yên nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. | Sở KH&CN | Sở KH&ĐT, Hội Doanh nghiệp tỉnh | Đề án/ Chương trình/ Kế hoạch | 2022 |
| 5 | Xây dựng và phát triển nhãn hiệu sản phẩm hàng hóa; áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, hệ thống truy xuất nguồn gốc | | | | |
| 5.1 | Triển khai kế hoạch Chiến lược sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Phú Yên giai đoạn 2021-2025. | Sở KH&CN | Sở Công Thương | Kế hoạch của UBND tỉnh | Năm 2021 |
| 5.2 | Xây dựng chương trình/ kế hoạch hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Phú Yên giai đoạn 2021-2025. | Sở KH&CN | Sở Công Thương | Kế hoạch của UBND tỉnh | 2021 |
| 5.3 | Xây dựng và vận hành Cổng truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa tỉnh Phú Yên. | Sở KH&CN | Sở Công Thương | Cổng thông tin trực tuyến | 2022 |
| 5.4 | Xây dựng chương trình/ kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa tỉnh Phú Yên giai đoạn 2021-2030. | Sở KH&CN | Sở KH&ĐT, Hội Doanh nghiệp | Kế hoạch của UBND tỉnh | 2021 |

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Cơ quan phối hợp | Sản phẩm | Thời gian thực hiện |
|----------|--|-------------------------------------|-------------------------------------|---|---------------------|
| 6 | Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế về KH&CN và ĐMST | | | | |
| 6.1 | Tham mưu phối hợp, liên kết, hợp tác với các tỉnh, khu vực, Bộ KH&CN, các doanh nghiệp, đơn vị mạnh về KH&CN và ĐMST. | Sở KH&CN | Các sở, ngành, địa phương, đoàn thể | Chương trình/ Ký kết hợp tác | 2021-2025 |
| 6.2 | Tham mưu kết hợp xúc tiến hợp tác quốc tế về KH&CN và ĐMST trong các chuyến làm việc của Đoàn công tác tỉnh Phú Yên tại nước ngoài. Vận động người Phú Yên ở nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực khoa học và chuyển giao công nghệ. | Sở Ngoại vụ | Sở KH&CN | Chương trình/ Ký kết hợp tác/Thỏa thuận/ Biên bản hợp tác | 2021-2025 |
| 6.3 | Tham mưu chương trình hợp tác với các tỉnh, khu vực, Bộ KH&CN, các doanh nghiệp, đơn vị mạnh về KH&CN và ĐMST | Các sở, ngành, địa phương, đoàn thể | Sở KH&CN | Chương trình/ Ký kết/ Biên bản hợp tác | 2021-2025 |

| STT | Mục tiêu | Kết quả/sản phẩm | Nguồn vốn | Đơn vị thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Ghi chú |
|-----|--|---|------------------------|------------------|----------------------------------|---------------------|------------|---------|
| | | | | Chủ trì | Phối hợp | Bắt đầu | Hoàn thành | |
| | | cuộc CMCN 4.0 phục vụ các lĩnh vực có nhu cầu phát triển. | | | liên quan | | | |
| 2 | Chương trình 2: Ứng dụng KHCN phục vụ phát triển nông nghiệp CNC, thông minh và xây dựng nông thôn mới | | | | | | | |
| | Nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ mới, tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực nông nghiệp phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp. | Chọn tạo được 02-03 giống cây trồng và được cấp văn bằng bảo hộ; tuyển chọn được 3-5 giống cây trồng mới có giá trị kinh tế cao. | NSNN và các nguồn khác | Sở NN&PTNT | Sở KH&CN | 2022 | 12/2024 | |
| | | Nghiên cứu làm chủ ít nhất công nghệ sản xuất 2 giống thủy sản có giá trị kinh tế cao. | NSNN và các nguồn khác | Sở NN&PTNT | Sở KH&CN | 2022 | 12/2025 | |
| | | Có 01 sản phẩm ứng dụng trong nông nghiệp được công nhận sáng chế/ giải pháp hữu ích; 01 giống/ sản phẩm/ quy trình sản xuất/ giải pháp kỹ thuật/ giải pháp quản lý trong nông nghiệp được công nhận là tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp. | NSNN và các nguồn khác | Sở KH&CN | Sở NN&PTNT và các sở, ban, ngành | 2022 | 12/2024 | |
| | | 01 mô hình ứng dụng các công nghệ mới của cuộc CMCN 4.0 trong sản xuất nông nghiệp. | NSNN và các nguồn khác | Sở NN&PTNT | Sở, ban, ngành liên quan | 2022 | 12/2024 | |

| STT | Mục tiêu | Kết quả/sản phẩm | Nguồn vốn | Đơn vị thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Ghi chú |
|-----|--|--|------------------------|------------------|----------------------------------|---------------------|------------|---------|
| | | | | Chủ trì | Phối hợp | Bắt đầu | Hoàn thành | |
| | | Nghiên cứu bảo tồn và khai thác ít nhất 02 nguồn gen có giá trị kinh tế. | NSNN và các nguồn khác | Sở KH&CN | Sở NN&PTNT và các sở, ban, ngành | 2022 | 2024 | |
| | | Sản xuất ít nhất 02 chế phẩm sinh học. | NSNN và các nguồn khác | Sở KH&CN | Sở NN&PTNT và các sở, ban, ngành | 2022 | 2024 | |
| 3 | Chương trình 3: Đổi mới công nghệ, ứng dụng thành tựu CMCN 4.0 phục vụ nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ | | | | | | | |
| | Thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu sản xuất, tạo điều kiện hình thành và phát triển ngành nghề mới, thay đổi phương thức lao động, sản xuất truyền thống, cải thiện điều kiện và môi trường lao động, sản xuất. Phát triển công nghệ đạt trình độ cao so với các công nghệ đang ứng dụng. Ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến, hiện đại, công nghệ chủ chốt của cuộc CMCN 4.0 để tạo ra các sản phẩm mới có tính cạnh tranh cao cho các ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh. | Có 01 sản phẩm phần mềm ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong an toàn giao thông, an ninh mạng... | NSNN và các nguồn khác | Công an tỉnh | Các sở, ban, ngành | 01/2022 | 12/2023 | |
| | | 01 sản phẩm (cơ khí, chế tạo/quy trình CN/giải pháp kỹ thuật) được công nhận sáng chế/giải pháp hữu ích. | NSNN và các nguồn khác | Sở Công Thương | Sở KH&CN | 01/2022 | 12/2024 | |
| | | Có 01 sản phẩm mới được hoàn thành công đoạn sản xuất thử nghiệm. | NSNN và các nguồn khác | Sở Công Thương | Các sở, ban, ngành | 01/2022 | 12/2024 | |
| | | Có 01 công nghệ ứng dụng thành tựu của CMCN 4.0 được chuyển giao. | NSNN và các nguồn khác | Sở TT&TT | Các sở, ban, ngành | 01/2022 | 12/2024 | |

| STT | Mục tiêu | Kết quả/sản phẩm | Nguồn vốn | Đơn vị thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Ghi chú |
|-----|---|---|------------------------|--------------------------------|---------------------------------------|---------------------|------------|---------|
| | | | | Chủ trì | Phối hợp | Bắt đầu | Hoàn thành | |
| 4 | Chương trình 4: Ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ trong y dược, nâng cao chất lượng chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng | | | | | | | |
| | Góp phần xây dựng tiềm lực y tế tỉnh Phú Yên từng bước phát triển, tiến dần đến trình độ y tế các thành phố lớn trong nước để phục vụ nhu cầu chăm sóc và điều trị bệnh của nhân dân trong và ngoài tỉnh. | Tiếp nhận và làm chủ được ít nhất 3-5 kỹ thuật cao, kỹ thuật tiên tiến mới trong chẩn đoán và điều trị. | NSNN và các nguồn khác | Sở Y tế | Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan | 01/2022 | 12/2024 | |
| | | Xây dựng được ít nhất 01 mô hình y tế thông minh. | NSNN và các nguồn khác | Sở Y tế | Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan | 01/2022 | 12/2024 | |
| | | Nghiên cứu sản xuất được ít nhất 01 sản phẩm thuốc đông dược/thực phẩm chức năng. | NSNN và các nguồn khác | Sở Y tế | Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan | 01/2022 | 12/2024 | |
| | | Nghiên cứu sản xuất được ít nhất 02 sản phẩm thuốc tương đương điều trị. | NSNN và các nguồn khác | Sở Y tế | Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan | 01/2022 | 12/2024 | |
| 5 | Chương trình 5: Khoa học xã hội và nhân văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội | | | | | | | |
| | Cung cấp cơ sở khoa học và cơ sở thực tiễn nhằm khai thác các tiềm năng, thế mạnh của tỉnh về du lịch, giáo dục, văn hóa, con người...; cung cấp luận cứ cho việc hoạch định chiến lược và chính sách, các quyết định, chủ trương và biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. | Có ít nhất 05 báo cáo chuyên đề, giải pháp, mô hình dự báo. | NSNN và các nguồn khác | Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch | Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan | 01/2022 | 12/2024 | |
| | | 03 sản phẩm phi vật thể được bảo tồn. | NSNN và các nguồn khác | Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch | Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan | 01/2022 | 12/2024 | |
| | | 01 chính sách hỗ trợ được ban hành. | NSNN và các nguồn khác | Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch | Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan | 01/2022 | 12/2024 | |

| STT | Mục tiêu | Kết quả/sản phẩm | Nguồn vốn | Đơn vị thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Ghi chú |
|-----|--|--|------------------------|-----------------------------|---------------------------------------|---------------------|------------|---------|
| | | | | Chủ trì | Phối hợp | Bắt đầu | Hoàn thành | |
| 6 | Chương trình 6: Ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên và ứng phó với biến đổi khí hậu | | | | | | | |
| | Giải pháp chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai, giảm phát thải khí nhà kính; tạo bước chuyển biến cơ bản trong khai thác, sử dụng tài nguyên theo hướng hợp lý, hiệu quả và bền vững; kiểm chế mức gia tăng ô nhiễm môi trường và suy giảm đa dạng sinh học. | Tiếp nhận 01 công nghệ xử lý ô nhiễm môi trường. | NSNN và các nguồn khác | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan | 01/2022 | 12/2024 | |
| | | 01 công nghệ sản xuất có sử dụng phế phụ phẩm hoặc sử dụng năng lượng tái tạo. | NSNN và các nguồn khác | Sở KH&CN | Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan | 01/2022 | 12/2024 | |
| | | 01 giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu. | NSNN và các nguồn khác | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan | 01/2022 | 12/2024 | |
| | | 02 mô hình dự báo thiên tai. | NSNN và các nguồn khác | Sở Nông nghiệp và PTNT | Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan | 01/2022 | 12/2024 | |